TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 60/2023/DS-ST
Ngày 25 - 9 - 2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Trọng Khôi
Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thanh
Ông Đoàn Văn Cương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hiên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lạng Giang, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 71/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2023 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2023/QĐXXST-DS ngày 17/7/2023. Quyết định hoãn phiên tòa số: 72/2023/QĐST-DS ngày 11/8/2023. Thông báo mở lại phiên tòa xét xử vụ án số: 18/TB-TA ngày 24/8/2023. Quyết định hoãn phiên tòa số: 83/2023/QĐST-DS ngày 08/9/2023. Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 20/2023/QĐST-DS ngày 18/9/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hoàng Văn L, sinh năm 1982 (có mặt);

Nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: 1. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1973 (vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt);

Nơi ĐKHKTT: TDP H, thị trấn Q, huyện Quốc Oai, TP Hà Nội.

Nơi cư trú: TDP T, thị trấn V, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

2. Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1987 (có mặt);

Nơi cư trú: Thôn Y, xã Y, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bị đơn chị Hoàng Thị H: Ông Hoàng Đức Trình – Luật sư, Văn phòng luật sư Đồng Tâm & cộng sự, đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 296 đường Lê Hồng Phong 4, phường Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Vũ Thị T, sinh năm 1983 do anh Hoàng Văn L là chồng đại diện theo ủy quyền, băn bản ủy quyền ngày 29/5/2023 (chị T vắng mặt, anh L có mặt);

Nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

2. Anh Phạm Văn T, sinh năm 1987 (vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt);

Nơi cư trú: TDP Đ, thị trấn Đ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

3. Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1981 (vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt);

Nơi cư trú: Thôn Y, xã Y, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Hoàng Văn L trình bày***: Tháng 8 năm 2021 được biết chị Hoàng thị H và chị Nguyễn thị T có đất và có nhu cầu bán đất tại dự án khu dân cư xã T, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Cụ thể có 1 BLOOK, LK19 gồm 32 lô, từ lô 01 đến lô 32 tổng diện tích 32 lô là 2,720,0m^2 tất cả đều là đất ở. Anh đã đồng ý đặt cọc mua với số tiền cọc là 100.000.000đ/1lô x 32 lô = 3.200.000.000đ và tiền các chị thu kênh riêng là 115.000.000đ/1lô x 32 lô = 3.680.000.000đ. Tổng số tiền chị H và T nhận của anh là 6.880.000.000đ. Hẹn đến tháng 9 năm 2021 bàn giao chính thức hợp đồng của chủ đầu tư cho anh. Nhưng quá hẹn chị H và chị T không có hợp đồng của chủ đầu tư và vị trí đất đó cho anh, nên anh đã yêu cầu trả lại số tiền trên. Sau nhiều lần điện thoại và đến nhà gặp đòi thì chị H và chị T đã trả anh được số tiền là 800.000.000đ và nhờ chị Hoàng thị H trả hộ thêm 800.000.000đ. Tổng số tiền anh nhận được là 1.600.000.000đ số tiền gốc còn lại là 5.280.000.000đ hẹn đến tháng 7 năm 2022 sẽ trả anh nốt. Đến tháng 7 năm 2022 vẫn chưa nhận thêm được số tiền trên, anh có liện hệ và sang nhà chị H cùng chị T để đòi lại tiền thì anh nhận được lời chị H và chị T hẹn đến ngày 21/7/2022 sang nhà chị T để trả anh số tiền trên. Đến đúng ngày hẹn anh sang, nhưng khi gặp và sau khi nói chuyện thống nhất thì chị H cùng T lại nói có nhu cầu mượn lại số tiền đó của anh thêm 15 ngày, mục đích mượn để mua đất khu đô thị mới Tây Vôi, huyện Lang Giang. Anh đồng ý cho hai chị mượn thêm 15 ngày nữa, sau khi anh đồng ý thì chị H và chị T đã bàn bạc và thống nhất cùng nhau viết Giấy vay tiền đề ngày 21/7/2022, nội dung chị H và chị T có vay của anh 5.280.000.000đ, hẹn đến ngày 06/08/2022 sẽ trả số tiền vay là 5.280.000.000đ qua đó chị H cùng chị T có thống nhất bằng mồm với anh là nếu sau ngày hẹn trả trên mà 2 chị chưa trả được thì sẽ bồi thường lãi số tiền vay trên cho anh là 1%/tháng. Đến ngày 06/08/2022 chị H và chị T không trả được đồng nào. Sau nhiều lần đòi thì chị H và chị T có trả bằng chuyển khoản thông qua tài khoản của anh T. Chị H và chị T hẹn anh ngày 15/9/2022, sang nhà chị T để nhận tiền. Đúng ngày 15/9/2022 anh có sang nhà chị T thì chỉ thấy có chị T ở nhà, không có chị H ở đó. Chị T đưa trả trực tiếp cho anh được 200.000.000đ, sau đó anh và chị T thống nhất tổng số tiền chị T và chị H đã trả anh tính đến ngày 15/9/2022 là 2.230.000.000đ và tổng số tiền chị H và chị T còn nợ lại anh tính đến ngày 15/9/2022 là 3.770.000.000đ. Chị T tự tay viết giấy trả tiền ngày 15/9/2022 với nội dung tổng số tiền gốc, số tiền đã trả, số tiền còn nợ lại của anh tính đến ngày 15/9/2022 là đúng. Tuy nhiên chị T sử dụng từ "Tôi có trả", "Tôi còn nợ lại" là do tư duy của chị T trong việc ghi tổng hợp lại những vấn đề đó. Còn thực chất không phải ngày 15/9/2022 chị T trả anh từng ấy tiền, không phải cá nhân chị T còn nợ anh từng đó tiền. Nay anh yêu cầu cá nhân chị H và chị T phải có trách nhiệm

trả gia đình anh 3.770.000.000đ tiền gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 21/7/2022 đến nay. Cụ thể mỗi người phải có trách nhiệm trả ½ số nợ này.

**** Bị đơn***:

1. Chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị với chị H là quan hệ làm ăn với nhau, cùng làm nghề môi giới mua bán chuyển nhượng bất động sản. Khoảng năm 2021 chị H có nói với chị có mấy chục lô đất quy hoạch ở xã T, huyện Lục Nam và nói với chị nếu có khách thì dẫn đưa vào để bán kiếm lời. Vì chị có chơi và quen biết anh Hoàng Văn L và anh T, nên chị giới thiệu cho anh L và anh T biết để mua những lô đất đó, thực tế chị chưa nhìn thấy thực địa của những lô đất này, mà chỉ nghe chị H nói là có quy hoạch. Khi đó anh L và anh T đồng ý mua và đưa tiền cho chị và chị H tổng số 6.000.000.000đ. Do không bàn giao được đất nên chị và chị H đã trả anh Lai được một số tiền. Ngày 21/7/2022 chị và chị H viết giấy vay nợ anh L số tiền còn lại chưa trả là 5.280.000.000đ.

Ngày 15/9/2022 chị trả trực tiếp 200.000.000đ tiền mặt cho anh L. Sau đó chị và anh Lai tổng hợp tất cả số tiền mà chị và chị H cầm của anh L từ năm 2021 xác định là 6.000.000.000đ. Số tiền chị và chị H đã trả anh L gồm 800.000.000đ tiền mặt do chị H đưa và một số lần chị H chuyển khoản tổng là 2.030.000.000đ, cộng với số tiền chị trả anh Lai 200.000.000đ là 2.230.000.000đ. Nên chị đã viết "Giấy trả tiền" đề ngày 15/9/2022 với nội dung chị có trả anh L 2.230.000.000đ trong tổng tiền gốc 6.000.000.000đ, chị còn nợ lại anh lai 3.770.000.000đ tiền gốc. Thực chất ngày 15/9/2022 chị chỉ trả anh Lai được 200.000.000đ và chị tổng hợp số tiền chị và chị H đã trả cho anh L từ khi cầm tiền của anh L đến hôm đó là 2.230.000.000đ, trong tổng số 6.000.000.000đ mà chị và chị Hưng đã cầm của anh L, hiện chị và chị H còn nợ anh L 3.770.000.000đ. Nay chị đồng ý cùng chị H trả anh L 3.770.000.000đ tiền gốc, mỗi người trả ½ số nợ này, không đồng ý trả lãi suất.

2. Chị Hoàng Thị H trình bày: Tháng 4/2021 chị cùng chị T góp vốn đặt cọc lấy dãy 32 lô thuộc dự án khu dân cư xã T, huyện Lục Nam với số tiền là 3.200.000.000đ, tức mỗi người góp 1.600.000.000đ. Ngày 22/8/2021 chị và chị T nhận cọc góp vốn của Công ty cổ phần bất động sản Tân Phát LanD do ông Hoàng Văn L làm giám đốc đại diện với số tiền là 3.200.000.000đ và tiền chênh là 2.880.000.000đ. Do nguyên nhân khách quan dự án chưa vào hợp đồng được, nên chị và chị T đã dự kiến trả khoản tiền chênh (2.880.000.000đ) trước ngày 31/7/2022 và trả tiền gốc (3.200.000.000đ) trước ngày 06/8/2022. Cụ thể, ngày 31/7/2022 chị đã chuyển trả được 2.030.000.000đ qua TK Mbank 55665568888, còn lại 880.000.000đ tiền chênh chị T có trách nhiệm trả anh L. Ngày 02/8/2022 chị đưa cho chị T 1.600.000.000đ để chị T chịu trách nhiệm gom đủ thêm tiền của mình cùng với tiền chị đưa là 3,2 tỷ tiền gốc và tiền chênh 880.000.000đ để hoàn trả cho anh L. Chị T sẽ có trách nhiệm thanh toán tổng số tiền nợ còn lại này cho anh Lai (BL 44, 46, 55).

Chị đã được đọc bản gốc "Giấy vay tiền" đề ngày 21/7/2022 được lưu trong hồ sơ, chị khẳng định giấy vay tiền này là do trực tiếp chị T viết bằng tay, mực mầu xanh, ghi rõ nội dung chị và chị T còn nợ anh L tổng số 5.280.000.000đ vì chị và chị T cùng môi giới đất chung nhau, hẹn đến ngày 06/8/2022 chị và chị T sẽ trả hết số tiền trên cho anh L. Chị và chị T có ký và điểm chỉ ngón trỏ bàn tay phải vào giấy vay tiền này là đúng.

Nay chị không có trách nhiệm trả nợ anh L, mà trách nhiệm trả số nợ này thuộc về chị T. Vì tất cả số tiền chị và chị T vay của anh L đều được chị và chị T sử dụng chung, chị đã trả phần của chị cho anh L, phần tiền gốc còn lại phải trả anh L là phần của chị T.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan***:

1. Chị Vũ Thị T, sinh năm 1983 do anh Hoàng Văn L là chồng đại diện theo ủy quyền trình bày: Chị xác nhận toàn bộ lời trình bày của anh L là đúng, yêu cầu chị T, chị H phải trả cho vợ chồng chị số tiền gốc và lãi suất theo như ý kiến của anh Lai.

2. Anh Phạm Văn T trình bày: Anh có chơi với anh Hoàng Văn L, hai anh em thường xuyên đi chơi với nhau. Anh Lai có nhờ anh cho mượn tài khoản của anh để chị H chuyển tiền vào để trả cho anh L, anh đồng ý. Nên chị H có chuyển vào tài khoản của anh để trả anh L. Anh đã chuyển trả số tiền chị H chuyển này cho anh L. Anh không liên quan gì đến việc làm ăn giữa anh L với chị H và chị T.

3. Anh Nguyễn Văn H1 trình bày: Anh là chồng chị Hoàng Thị H, hiện anh đang công tác tại Phòng kỹ thuật, lữ đoàn 673, Quân đoàn 2. Việc chị H vay mượn tiền của anh L như thế nào anh không biết. Sau này vào khoảng đầu năm 2022 anh có thấy anh L thỉnh thoảng đến nhà anh để đòi tiền chị H. Anh không biết chị H đã vay còn nợ anh L bao nhiêu tiền. Anh không rõ số tiền vay của anh L chị H sử dụng như thế nào. Chị H không sử dụng số tiền vay của anh L vào mục đích chung của gia đình. Nay nếu chị H còn nợ tiền anh L thì chị H phải có trách nhiệm trả cho anh L, anh không liên quan gì.

Tại phiên tòa hôm nay: Anh L, chị T (chị T do anh L đại diện theo ủy quyền) có mặt giữ nguyên yêu cầu trên và trình bày thêm: Yêu cầu chị H và chị T trả 3.770.000.000đ tiền gốc và lãi suất theo pháp luật kể từ ngày 21/7/2022 đến ngày xét xử vụ án, không yêu cầu anh H phải có trách nhiệm trả nợ cùng chị H. Chị H có mặt giữ nguyên yêu cầu trên và trình bày thêm: Số tiền chị và chị T cầm của anh L bao gồm 3.200.000.000đ tiền cọc và 2.880.000.000đ tiền chênh, tổng cộng chị và chị T cầm của anh L 6.080.000.000đ, chị và chị T sử dụng toàn bộ số tiền này vào việc đặt cọc để mua 32 lô đất như thỏa thuận với anh L, không sử dụng số tiền này của anh L vào mục đích nào khác. Chị đã đưa trả tiền mặt cho anh L 800.000.000đ. Còn nợ lại 5.280.000.000đ chị và chị T đã thỏa thuận viết Giấy vay tiền đề ngày 21/7/2022 với nội dung chị và chị T vay anh L 5.280.000.000đ. Tổng hợp tất cả các khoản tiền chị và chị T đã trả anh L gồm 2.030.000.000đ do chị trả bằng tiền mặt và chuyển khoản, cộng với 2.230.000.000đ và 200.000.000đ do chị T trả ngày 15/9/2022, thì chị và chị T chỉ còn nợ anh L 820.000.000đ tiền gốc. Nay chị đồng ý cùng chị T có trách nhiệm trả anh L 820.000.000đ tiền gốc, không đồng ý trả lãi suất. Anh T, anh H1 đều vắng mặt đều có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

Ý kiến luật sư Hoàng Đức Trình: Xác định đến nay chị H và chị T chỉ còn nợ anh L 820.000.000đ như chị H trình bày là đúng. Chị T và chị H mỗi người phải có trách nhiệm trả nợ cho anh L ½ số nợ trên. Đề nghị HĐXX buộc anh H (nguyên là chồng chị H) có trách nhiệm trả nợ anh L cùng chị H.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, Thẩm phán được phân công giải quyết, các đương sự trong suốt quá giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay anh L, chị T (chị T do anh L đại diện

theo ủy quyền), chị H đều có mặt. Anh T, anh H1 đều vắng mặt đều có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Hướng đề xuất: Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật. Đề nghị áp dụng các 26, 35, 147, 227, 228, 235, 264, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 288, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015. Điều 26; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Văn L. Buộc chị Nguyễn Thị T và chị Hoàng Thị H phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ liên đới thanh toán trả vợ chồng anh Hoàng Văn L, chị Vũ Thị T 3.770.000.000đ tiền gốc và 444.022.000đ tiền lãi suất. Tổng cộng cả gốc và lãi suất là 4.214.022.000đ (Bốn tỷ hai trăm mười bốn triệu không trăm hai hai nghìn đồng). Cụ thể chị Nguyễn Thị T và chị Hoàng Thị H mỗi người phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ liên đới thanh toán trả vợ chồng anh Hoàng Văn L, chị Vũ Thị T 2.107.011.000đ. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T và chị Hoàng Thị H phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ liên đới chịu 112.214.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Cụ thể chị Nguyễn Thị T và chị Hoàng Thị H mỗi người phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ liên đới chịu 56.107.000đ. Hoàn trả anh Hoàng Văn L tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ngoài ra còn đề nghị tuyên lãi suất chậm thanh toán, việc thi hành án và quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của kiểm sát viên tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, phạm vi khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ thì nguyên đơn anh Hoàng Văn L, khởi kiện đòi tiền đối với chị Nguyễn Thị T; Nơi cư trú: TDP T, thị trấn V, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang và đồng bị đơn là chị Hoàng Thị H, nơi cư trú: Thôn Y, xã Y, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Nội dung: Theo Giấy vay tiền do anh L xuất trình, thì anh L có cho chị T và chị H vay 5.280.000.000đ. Nay anh L đề nghị Tòa án buộc chị T và chị H phải trả cho anh L 3.770.000.000đ tiền gốc và lãi suất theo pháp luật kể từ ngày 21/7/2022 đến ngày xét xử vụ án. Như vậy xác định được đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng vay tài sản, phạm vi khởi kiện là đòi lại tiền gốc và lãi suất, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay anh L, chị T (chị T do anh L đại diện theo ủy quyền), chị H đều có mặt. Anh T, anh H1 đều vắng mặt đều có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Nên HĐXX căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án: Xuất phát từ quan hệ quen biết nên ngày 22/8/2021 chị Hoàng Thị H và chị Nguyễn Thị T đã nhận 6.080.000.000đ tiền góp vốn đặt cọc của anh Hoàng Văn L để đầu tư mua 32 lô đất thuộc dự án khu dân cư xã T, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Trong đó có 3.200.000.000đ tiền cọc và 2.880.000.000đ tiền chênh (BL 26, 27, 55). Do quá thời hạn không bàn giao được hợp đồng chính thức của

nhà đầu tư, nên anh L đòi lại tiền. Chị H và chị T đã trả anh L được 800.000.000đ tiền mặt, còn nợ lại 5.280.000.000đ. Ngày 21/7/2022 chị H, chị T và anh L tự nguyện thỏa thuận với nội dung, anh Hoàng Văn L cho chị Nguyễn Thị T và chị Hoàng Thị H vay số tiền còn nợ là 5.280.000.000đ, hẹn trong thời hạn 15 ngày, tức đến ngày 06/8/2022 chị H và chị T sẽ trả cho anh L số tiền trên. Việc thỏa thuận này được các bên hoàn toàn tự nguyện lập thành văn bản có chữ ký của anh L, chị H, chị T, đến nay các bên vẫn thừa nhận sự thỏa thuận này, đây là chứng cứ không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị T xác định quá trình vay nợ chị T và chị H đã trả anh L được 2.230.000.000đ chỉ còn nợ lại anh L 3.770.000.000đ tiền gốc, nay chị T đồng ý cùng chị H trả anh L số tiền gốc còn nợ trên, không đồng ý trả lãi suất, chị T và chị H mỗi người có trách nhiệm trả nợ anh Lai ½ số tiền nợ trên, không đồng ý trả lãi suất.

Chị Hoàng Thị H ban đầu xác định số tiền chị và chị T cầm của anh L bao gồm 3.200.000.000đ tiền cọc và 2.880.000.000đ tiền chênh, tổng cộng chị và chị T cầm của anh L 6.080.000.000đ. Chị đã trả tiền mặt cho anh L 800.000.000đ. Còn nợ lại 5.280.000.000đ chị và chị T đã thỏa thuận viết Giấy vay tiền đề ngày 21/7/2022 với nội dung chị và chị T vay anh L 5.280.000.000đ. Ngày 02/8/2023 chị H và chị T đã thỏa thuận, chị H đã chuyển khoản trả anh L 2.030.000.000đ và đưa cho chị T 1.600.000.000đ để chị T thêm tiền của chị T vào trả hết nợ cho anh L, tổng số tiền chị T phải trả anh L là 3.200.000.000đ + 880.000.000đ = 4.080.000.000đ tiền gốc. Nên chị không đồng ý trả nợ anh L, mà trách nhiệm trả nợ là của chị T (BL 44, 55). Tại phiên tòa ngày 18/9/2023 chị H xác định, tính đến nay chị và chị T còn nợ anh L 3.050.000.000đ tiền gốc, chị đồng ý cùng chị T trả anh L 3.050.000.000đ tiền gốc, không đồng ý trả lãi suất. Tại phiên tòa hôm nay chị H xác định, tổng hợp tất cả các khoản tiền chị và chị T đã trả anh L gồm 2.030.000.000đ do chị trả bằng tiền mặt và chuyển khoản, cộng với 2.230.000.000đ và 200.000.000đ do chị T trả ngày 15/9/2022, thì chị và chị T chỉ còn nợ anh L 820.000.000đ tiền gốc. Nay chị đồng ý cùng chị T có trách nhiệm trả anh L 820.000.000đ tiền gốc, không đồng ý trả lãi suất.

HĐXX xét thấy, căn cứ bản gốc Giấy vay tiền viết tay đề ngày 21/7/2022 do anh Hoàng Văn L xuất trình (BL 23), lời khai nhận nợ của chị T, chị H, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Xác định được, do vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên hiện chị Nguyễn Thị T và chị Hoàng Thị H còn nợ anh Hoàng Văn L 3.770.000.000đ tiền gốc. Việc vay tiền, viết Giấy vay tiền và điểm chỉ ký nhận của các bên là hoàn toàn tự nguyện. Nay vợ chồng anh L, chị T yêu cầu chị T, chị H phải có trách nhiệm trả vợ chồng anh L, chị T 3.770.000.000đ tiền gốc và lãi suất là có căn cứ cần chấp nhận.

Về lãi suất, các bên có tranh chấp về lãi suất, do vậy cần áp dụng mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự cụ thể như sau:

- Từ ngày 21/7/2022 đến ngày 25/9/2023 là 14 tháng 04 ngày.

3.770.000.000đ x 10%/năm x 14 tháng 04 ngày = 444.022.000đ.

Việc chị Hoàng Thị H cho rằng bản thân đã tự trả cho anh L được 2.030.000.000đ và đưa cho chị T 1.600.000.000đ, tổng là 3.630.000.000đ. Phần còn lại trách nhiệm trả nợ anh L thuộc về chị T là 3.200.000.000đ + 880.000.000đ = 4.080.000.000đ. Việc thỏa thuận này được chị H và chị T lập thành văn bản đề ngày 02/8/2022 (BL 55). HĐXX

xét thấy chị H và chị T nhận tiền của anh L để cùng quản lý sử dụng chung để làm ăn chung, không chia phần cụ thể cho ai quản lý là bao nhiêu tiền. Việc chị H và chị T tự thỏa thuận ngày 02/8/2023 không được sự đồng ý của anh L nên không chấp nhận sự thỏa thuận về việc trả nợ này. Mà các bên phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ liên đới trả anh L.

Chị H và chị T đều xác định toàn bộ số tiền chị H và chị T nhận của anh L được sử dụng toàn bộ vào việc đặt cọc để mua đất, không sử dụng số tiền này vào mục đích nào khác. Chị H xác định không sử dụng số tiền này vào mục chung của gia đình mình, anh H1 (nguyên là chồng chị H) cũng thừa nhận việc này và xác định anh không được bàn bạc, không biết gì về việc chị H vay tiền của anh L. HĐXX xét thấy việc chị H yêu cầu anh H1 phải có trách nhiệm trả nợ anh L cùng chị H là không có căn cứ. Mặt khác phía anh L cũng không yêu cầu anh H1 phải có trách nhiệm trả nợ. Nên không có căn cứ buộc anh Nguyễn Văn H1 nguyên là chồng chị H phải có trách nhiệm trả nợ anh L cùng chị H được.

Từ những phân tích và nhận định trên, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Văn L. Buộc chị Nguyễn Thị T và chị Hoàng Thị H phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ liên đới thanh toán trả vợ chồng anh Hoàng Văn L, chị Vũ Thị T 3.770.000.000đ tiền gốc và 444.022.000đ tiền lãi suất; tổng cộng cả gốc và lãi suất là 4.214.022.000đ (Bốn tỷ hai trăm mười bốn triệu không trăm hai hai nghìn đồng).

[3] Về án phí: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên chị Hoàng Thị H và chị Nguyễn Thị T phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ liên đới chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo pháp luật. Hoàn trả anh Hoàng Văn L tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ các Điều 26, 35, 147, 227, 228, 235, 264, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 288, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015. Điều 26; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Văn L. Buộc chị Nguyễn Thị T và chị Hoàng Thị H phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ liên đới thanh toán trả vợ chồng anh Hoàng Văn L, chị Vũ Thị T 3.770.000.000đ tiền gốc và 444.022.000đ tiền lãi suất. Tổng cộng cả gốc và lãi suất là 4.214.022.000đ (Bốn tỷ hai trăm mười bốn triệu không trăm hai hai nghìn đồng). Cụ thể chị Nguyễn Thị T và chị Hoàng Thị H mỗi người phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ liên đới thanh toán trả vợ chồng anh Hoàng Văn L, chị Vũ Thị T 2.107.011.000đ (hai tỷ một trăm linh bẩy triệu không trăm mười một nghìn đồng).

2/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị T và chị Hoàng Thị H phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ liên đới chịu 112.214.000đ (một trăm mười hai triệu hai trăm mười bốn nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Cụ thể chị Nguyễn Thị T và chị Hoàng Thị H mỗi người phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ liên đới chịu 56.107.000đ. Hoàn trả anh Hoàng Văn L 56.690.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005464 ngày 09/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành, mà người phải thi hành án không thi hành, hoặc thi hành chưa xong; thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt bản án.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND huyện Lạng Giang
- Chi cục THA huyện Lạng Giang
- Các đương sự
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Thân Trọng Khôi